

TÀI LIỆU MINH HỌA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
AN PHÁT CÁT TƯỜNG - ĐÓNG PHÍ MỘT LẦN (2020)

Một lần đóng phí - Trọn vẹn bình an



Đóng phí một lần duy nhất và được bảo vệ rủi ro toàn diện tùy theo nhu cầu thực tế



Tích lũy an toàn và hiệu quả với lãi suất đầu tư ổn định cùng các khoản thưởng



Linh hoạt điều chỉnh kế hoạch bảo hiểm để hướng tới tương lai vững chắc

Tổng Công Ty Bảo Việt Nhân thọ: Thành lập năm 1996, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ là công ty Bảo hiểm nhân thọ đầu tiên trên thị trường Việt Nam và liên tục là một trong những công ty bảo hiểm nhân thọ có kết quả kinh doanh dẫn đầu thị trường trong những năm qua. Với hệ thống mạng lưới vững chắc gồm **76 Công ty thành viên** trên khắp 63 tỉnh thành, gần **400 văn phòng khu vực và Tổng đại lý**, cùng hơn **225.000 Tư vấn viên**, Bảo Việt Nhân thọ đã và đang bảo vệ cho hơn **14,2 triệu lượt khách hàng** với tổng số tiền chi trả quyền lợi và đáo hạn gần **35.000 tỷ đồng**, đóng góp hiệu quả vào ngân sách Nhà nước và góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội.

Trụ sở chính: Tầng 37, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Đường Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng đài 1900 558899 **Fax** 024.35770958

Tư vấn viên: Trực tiếp công ty

Mã số: D100174038

Nhóm/Ban: Ban RS - NHN

Điện thoại:

Địa chỉ liên hệ: Bảo Việt Nhân Thọ Hà Nội

Số 94 phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội



TÓM TẮT VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM AN PHÁT CÁT TƯỜNG - ĐÓNG PHÍ MỘT LẦN (2020)

Với phí một lần 350.000.000 đồng và phí đóng thêm định kỳ năm 150.000.000 đồng, Quý khách sẽ nhận được các Quyền lợi sau:

STT	QUYỀN LỢI	GIÁ TRỊ QUYỀN LỢI
I	Quyền lợi bảo hiểm (QLBH) chính	
1	QLBH tử vong*	Quyền lợi Cơ bản: Giá trị lớn hơn giữa 100% Số tiền bảo hiểm tử vong và 100% Giá trị Tài khoản Hợp đồng(GTTKHD).
2	QLBH thương tật nghiêm trọng do tai nạn*	Quyền lợi Cơ bản: Giá trị lớn hơn giữa 100% Số tiền bảo hiểm thương tật nghiêm trọng do tai nạn và 100% GTTKHD.
3	QLBH bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối (Ung thư giai đoạn 4, Ung thư máu giai đoạn cuối, Suy đa tạng, Hôn mê sâu, Xơ gan giai đoạn mất bù kèm hội chứng suy gan giai đoạn cuối)*	Ứng trước 50% QLBH tử vong (tối đa 500 triệu đồng) và miễn Phí bảo hiểm rủi ro của QLBH tử vong và QLBH thương tật nghiêm trọng do tai nạn.
4	Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản**	Khi Hợp đồng đang có hiệu lực, nếu GTTKHD trung bình trong một năm ngay trước ngày xác định quyền lợi đạt mức quy định, Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản sẽ được trả vào GTTKHD.
5	Quyền lợi đáo hạn	1.399.754.487 đồng (<i>Giá trị dự kiến đã bao gồm Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản, tính theo mức Lãi suất đầu tư dự kiến 6,5%/năm</i>)



STT	QUYỀN LỢI	GIÁ TRỊ QUYỀN LỢI												
6	Quyền lợi hưởng Lãi suất cam kết tối thiểu	<p>Tại mọi thời điểm, Bảo Việt Nhân thọ cam kết lãi suất đầu tư mà Hợp đồng được hưởng mỗi năm sẽ không thấp hơn mức Lãi suất cam kết tối thiểu quy định dưới đây:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Năm Hợp đồng</th> <th>Lãi suất cam kết tối thiểu(%/năm)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Năm thứ 01</td> <td>2,0%</td> </tr> <tr> <td>Từ Năm thứ 02 đến Năm thứ 03</td> <td>1,5%</td> </tr> <tr> <td>Từ Năm thứ 04 đến Năm thứ 10</td> <td>1,0%</td> </tr> <tr> <td>Từ Năm thứ 11 đến Năm thứ 15</td> <td>0,5%</td> </tr> <tr> <td>Từ Năm thứ 16 trở đi</td> <td>0,25%</td> </tr> </tbody> </table>	Năm Hợp đồng	Lãi suất cam kết tối thiểu(%/năm)	Năm thứ 01	2,0%	Từ Năm thứ 02 đến Năm thứ 03	1,5%	Từ Năm thứ 04 đến Năm thứ 10	1,0%	Từ Năm thứ 11 đến Năm thứ 15	0,5%	Từ Năm thứ 16 trở đi	0,25%
Năm Hợp đồng	Lãi suất cam kết tối thiểu(%/năm)													
Năm thứ 01	2,0%													
Từ Năm thứ 02 đến Năm thứ 03	1,5%													
Từ Năm thứ 04 đến Năm thứ 10	1,0%													
Từ Năm thứ 11 đến Năm thứ 15	0,5%													
Từ Năm thứ 16 trở đi	0,25%													
7	Quyền lợi Thương gia tăng đầu tư	<p>Tại thời điểm Hợp đồng chấm dứt hiệu lực, Bảo Việt Nhân thọ sẽ đánh giá và điều chỉnh lại GTTKHĐ (nếu cần) để đảm bảo giá trị này không thấp hơn tổng của GTTKHĐ tính theo Lãi suất cam kết tối thiểu và tổng lũy tích theo Lãi suất cam kết tối thiểu của Quyền lợi Thương gia tăng đầu tư đã phát sinh. Trong đó, Quyền lợi Thương gia tăng đầu tư được xác định bằng Giá trị Tài khoản Hợp đồng tính theo Lãi suất cam kết tối thiểu tại cuối năm Hợp đồng liền trước nhân với Tỷ lệ thưởng gia tăng đầu tư quy định dưới đây:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời điểm phát sinh quyền lợi</th> <th>Tỷ lệ thưởng gia tăng đầu tư (%)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tại các Ngày kỷ niệm Hợp đồng từ Ngày kỷ niệm Hợp đồng thứ 01 đến Ngày kỷ niệm Hợp đồng thứ 03</td> <td>1,5%</td> </tr> <tr> <td>Tại các Ngày kỷ niệm Hợp đồng từ Ngày kỷ niệm Hợp đồng thứ 04 đến Ngày kỷ niệm Hợp đồng thứ 15</td> <td>1,0%</td> </tr> <tr> <td>Tại các Ngày kỷ niệm Hợp đồng kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 16 trở đi</td> <td>0,25%</td> </tr> </tbody> </table>	Thời điểm phát sinh quyền lợi	Tỷ lệ thưởng gia tăng đầu tư (%)	Tại các Ngày kỷ niệm Hợp đồng từ Ngày kỷ niệm Hợp đồng thứ 01 đến Ngày kỷ niệm Hợp đồng thứ 03	1,5%	Tại các Ngày kỷ niệm Hợp đồng từ Ngày kỷ niệm Hợp đồng thứ 04 đến Ngày kỷ niệm Hợp đồng thứ 15	1,0%	Tại các Ngày kỷ niệm Hợp đồng kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 16 trở đi	0,25%				
Thời điểm phát sinh quyền lợi	Tỷ lệ thưởng gia tăng đầu tư (%)													
Tại các Ngày kỷ niệm Hợp đồng từ Ngày kỷ niệm Hợp đồng thứ 01 đến Ngày kỷ niệm Hợp đồng thứ 03	1,5%													
Tại các Ngày kỷ niệm Hợp đồng từ Ngày kỷ niệm Hợp đồng thứ 04 đến Ngày kỷ niệm Hợp đồng thứ 15	1,0%													
Tại các Ngày kỷ niệm Hợp đồng kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 16 trở đi	0,25%													
II	Quyền lợi bảo hiểm (QLBH) nâng cao													



STT	QUYỀN LỢI	GIÁ TRỊ QUYỀN LỢI
1	QLBH tử vong do tai nạn mở rộng* - Tử vong do tai nạn trên chuyến bay thương mại - Tử vong do tai nạn thông thường	2.000.000.000 đồng 1.000.000.000 đồng
2	QLBH chăm sóc y tế - Trợ cấp viện phí cơ bản - Trợ cấp viện phí đặc biệt - Trợ cấp phẫu thuật - Hỗ trợ chi phí vận chuyển cấp cứu	2.000.000 đồng/ngày 4.000.000 đồng/ngày 10.000.000 đồng/phẫu thuật 1.000.000 đồng/lần.
3	QLBH bệnh ung thư* - QLBH bệnh ung thư giai đoạn đầu - QLBH bệnh ung thư giai đoạn cuối	125.000.000 đồng 500.000.000 đồng trừ đi QLBH bệnh ung thư giai đoạn đầu đã trả (nếu có)
4	QLBH bệnh đột quỵ - QLBH bệnh đột quỵ nặng - QLBH bệnh đột quỵ nghiêm trọng	125.000.000 đồng 500.000.000 đồng trừ đi QLBH bệnh đột quỵ nặng đã trả (nếu có)

Ghi chú:

- (*) Chi trả tỷ lệ riêng cho trường hợp Người được bảo hiểm dưới 4 tuổi theo quy định tại Quy tắc, Điều khoản Hợp đồng.
- (**) Quyền lợi sẽ được tích lũy để hưởng lãi và được trả theo quy định tại Quy tắc, Điều khoản Hợp đồng.
- Chi tiết về quyền lợi bảo hiểm, hạn mức chi trả tối đa và các nội dung khác được quy định tại Quy tắc, Điều khoản Hợp đồng.

LÃI SUẤT DỰ KIẾN VÀ LÃI SUẤT CÔNG BỐ CỦA QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

Lãi suất dự kiến áp dụng kể từ ngày 01/01/2020 là: 5,5%/năm. Trong các năm qua, Bảo Việt Nhân thọ thường có Lãi suất công bố cao hơn Lãi suất dự kiến và là một trong những doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có Lãi suất công bố cho sản phẩm liên kết chung cao nhất trên thị trường. Cụ thể, Lãi suất công bố bình quân 5 năm qua của Bảo Việt Nhân thọ là 6,6%/năm; trong đó Lãi suất công bố cao nhất là 7,0%/năm (năm 2015).



THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM DỰ KIẾN

Ngày dự thảo: 24/09/2020

	Họ và tên	Ngày sinh	Tuổi được bảo hiểm	Giới tính	CMND/Thẻ CCCD/HC/GKS	Nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm đồng thời là Người được bảo hiểm	An	24/10/1985	34	Nam		52.1. K/doanh, thương mại - Nhân viên bán hàng

Thông tin về Hợp đồng chính An Phát Cát Tường - Đóng phí một lần (2020):

Thời hạn Hợp đồng bảo hiểm:	20 năm
Thời hạn đóng phí:	Một lần
Thời hạn đóng phí đóng thêm dự kiến:	1 năm
QLBH tử vong/thương tật nghiêm trọng do tai nạn:	Cơ bản



	Người được bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm (đồng)	Phí bảo hiểm một lần (đồng)
An Phát Cát Tường - Đóng phí một lần (2020)	An		350.000.000
Quyền lợi bảo hiểm chính:			
- QL BH tử vong		1.000.000.000	
- QL BH thương tật nghiêm trọng do tai nạn		1.000.000.000	
Quyền lợi bảo hiểm nâng cao			
- QL BH tử vong do tai nạn mở rộng (thời hạn bảo hiểm 20 năm)		1.000.000.000	
- QL BH chăm sóc y tế (thời hạn bảo hiểm 20 năm)		2.000.000	
- QL BH bệnh ung thư (thời hạn bảo hiểm 20 năm)		500.000.000	
- QL BH bệnh đột quy (thời hạn bảo hiểm 20 năm)		500.000.000	
Phí bảo hiểm đóng thêm dự kiến (định kỳ năm)			

Lưu ý:

Để được chấp nhận bảo hiểm với sản phẩm chính An Phát Cát Tường - Đóng phí một lần (2020), tuổi của Người được bảo hiểm phải từ 0 đến 65 tuổi nhưng không quá 75 tuổi khi Hợp đồng đáo hạn.



MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG CHÍNH

Đơn vị: **nghìn đồng** (trừ khi được nêu rõ)

Năm HĐ/ Tuổi	Phí BH đóng trong năm		Phí BH đã đóng lũy kế	Phí ban đầu	Phí BH phân bổ vào GTTK	Minh họa với lãi suất 6,5%/năm				Minh họa với lãi suất 5%/năm				Minh họa với lãi suất cam kết tối thiểu (Giá trị đảm bảo)			
	Phí BH một lần	Phí BH đóng thêm				Giá trị tùy thuộc kết quả kinh doanh (không đảm bảo)											
						Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính	QL từ vòng (QLBH chính)	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại	Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính	QL từ vòng (QLBH chính)	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại	Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính	QL từ vòng (QLBH chính)	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại
1/35	350.000	150.000	500.000	33.250	466.750	5.484	1.000.000	491.057	392.846	5.492	1.000.000	484.119	387.295	5.508	1.000.000	470.243	376.194
2/36	0	0	500.000	0	0	5.610	1.000.000	517.091	439.527	5.638	1.000.000	502.451	427.083	5.677	1.000.000	478.638	406.842
3/37	0	0	500.000	0	0	5.802	1.000.000	544.650	490.185	5.855	1.000.000	521.498	469.348	5.925	1.000.000	486.926	438.233
4/38	0	0	500.000	0	0	6.000	1.000.000	574.283	545.569	6.082	1.000.000	541.674	514.590	6.194	1.000.000	492.936	468.289
5/39	0	0	500.000	0	0	6.194	1.000.000	605.706	605.706	6.313	1.000.000	562.661	562.661	6.487	1.000.000	496.304	496.304
6/40	0	0	500.000	0	0	6.413	1.000.000	639.099	639.099	6.578	1.000.000	584.530	584.530	6.826	1.000.000	499.348	499.348
7/41	0	0	500.000	0	0	6.646	1.000.000	674.557	674.557	6.869	1.000.000	607.280	607.280	7.210	1.000.000	502.013	502.013
8/42	0	0	500.000	0	0	6.859	1.000.000	712.274	712.274	7.155	1.000.000	630.987	630.987	7.609	1.000.000	504.278	504.278
9/43	0	0	500.000	0	0	7.080	1.000.000	752.294	752.294	7.467	1.000.000	655.606	655.606	8.056	1.000.000	506.073	506.073
10/44	0	0	500.000	0	0	7.357	1.000.000	794.823	794.823	7.853	1.000.000	681.179	681.179	8.606	1.000.000	507.297	507.297
11/45	0	0	500.000	0	0	7.679	1.000.000	839.951	839.951	8.311	1.000.000	707.660	707.660	9.267	1.000.000	505.285	505.285
12/46	0	0	500.000	0	0	7.964	1.000.000	887.936	887.936	8.759	1.000.000	735.136	735.136	9.958	1.000.000	502.492	502.492
13/47	0	0	500.000	0	0	8.227	1.000.000	938.871	938.871	9.223	1.000.000	763.560	763.560	10.720	1.000.000	498.825	498.825
14/48	0	0	500.000	0	0	8.444	1.000.000	993.134	993.134	9.677	1.000.000	793.077	793.077	11.516	1.000.000	494.243	494.243



Năm HĐ/ Tuổi	Phí BH đóng trong năm		Phí BH đã đóng lũy kế	Phí ban đầu	Phí BH phân bổ vào GTTK	Minh họa với lãi suất 6,5%/năm				Minh họa với lãi suất 5%/năm				Minh họa với lãi suất cam kết tối thiểu (Giá trị đảm bảo)			
	Phí BH một lần	Phí BH đóng thêm				Giá trị tùy thuộc kết quả kinh doanh (không đảm bảo)											
						Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính	QL từ vong (QLBH chính)	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại	Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính	QL từ vong (QLBH chính)	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại	Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính	QL từ vong (QLBH chính)	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại
15/49	0	0	500.000	0	0	8.769	1.050.800	1.050.800	1.050.800	10.138	1.000.000	823.708	823.708	12.378	1.000.000	488.661	488.661
16/50	0	0	500.000	0	0	9.412	1.111.825	1.111.825	1.111.825	10.657	1.000.000	855.487	855.487	13.379	1.000.000	480.712	480.712
17/51	0	0	500.000	0	0	9.995	1.176.456	1.176.456	1.176.456	11.075	1.000.000	888.482	888.482	14.398	1.000.000	468.561	468.561
18/52	0	0	500.000	0	0	10.590	1.245.100	1.245.100	1.245.100	11.460	1.000.000	922.888	922.888	15.514	1.000.000	455.204	455.204
19/53	0	0	500.000	0	0	11.223	1.317.944	1.317.944	1.317.944	11.822	1.000.000	958.772	958.772	16.749	1.000.000	440.511	440.511
20/54	0	0	500.000	0	0	11.794	1.395.412	1.395.412	1.395.412	12.047	1.000.000	996.389	996.389	18.040	1.000.000	424.420	424.420
Quyền lợi đáo hạn						1.399.754				998.674				424.601			

Tổng Phí bảo hiểm đóng: 500.000.000 đồng. Trong đó: Phí bảo hiểm một lần: 350.000.000 đồng, Phí bảo hiểm đóng thêm: 150.000.000 đồng.

Ghi chú:

- Số liệu về Quyền lợi bảo hiểm tử vong (QLBH chính), Giá trị Tài khoản Hợp đồng và Giá trị hoàn lại nêu trên được xác định tại cuối Năm hợp đồng. Lưu ý với trường hợp tử vong trước sinh nhật lần thứ 4, số tiền trả áp dụng theo tỷ lệ % của Quyền lợi bảo hiểm tử vong và thay đổi theo sinh nhật.
- Giá trị hoàn lại là số tiền Quý khách nhận được (nếu có) khi Hợp đồng chấm dứt hiệu lực trước thời hạn hoặc khi Hợp đồng chấm dứt hiệu lực theo các quy định tương ứng trong Quy tắc, Điều khoản Hợp đồng. Giá trị này được xác định bằng Giá trị Tài khoản Hợp đồng trừ đi Phí chấm dứt Hợp đồng. Giá trị hoàn lại được xác định theo công thức đã được Bộ Tài chính chấp thuận.
- Đối với giá trị minh họa đảm bảo: (i) GTTKHĐ được tính bằng GTTKHĐ tính theo Lãi suất cam kết tối thiểu cộng với tổng lũy tích theo Lãi suất cam kết tối thiểu của Quyền lợi Thưởng gia tăng đầu tư đã phát sinh; (ii) Giá trị hoàn lại và Quyền lợi bảo hiểm tử vong được tính trên cơ sở GTTKHĐ đảm bảo nêu trên.
- Phí quản lý Hợp đồng đã được khấu trừ khi tính toán Giá trị Tài khoản Hợp đồng và các giá trị liên quan.
- Các giá trị minh họa được làm tròn theo đơn vị nghìn đồng (trừ khi được nêu rõ). Do việc làm tròn này, giá trị thể hiện theo đơn vị đồng có thể khác so với khi thể hiện theo đơn vị nghìn đồng.
- GTTKHĐ, Giá trị hoàn lại và Quyền lợi đáo hạn trong bảng trên đã bao gồm Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản (nếu có), trong đó:



Đơn vị: nghìn đồng

	Minh họa với lãi suất 6,5%/năm	Minh họa với lãi suất 5,0%/năm	Minh họa với lãi suất cam kết tối thiểu
	Giá trị tùy thuộc kết quả kinh doanh (không đảm bảo)		(Giá trị đảm bảo)
Tổng lũy tích của Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản (đến thời điểm đáo hạn)	56.610	34.781	7.095



CÁC LOẠI PHÍ

- Phí bảo hiểm rủi ro:** Phí bảo hiểm rủi ro được xác định căn cứ vào tỷ lệ phí bảo hiểm rủi ro, Số tiền bảo hiểm rủi ro, nghề nghiệp, sức khỏe, độ tuổi, giới tính của Người được bảo hiểm và các quy định liên quan của Bảo Việt Nhân thọ.
- Phí ban đầu:**
 - Tỷ lệ Phí ban đầu trên Phí bảo hiểm một lần: bằng 8% của Phí bảo hiểm một lần
 - Tỷ lệ Phí ban đầu trên Phí bảo hiểm đóng thêm: bằng 3,5% của mỗi khoản Phí bảo hiểm đóng thêm
- Phí quản lý Hợp đồng:** hiện tại là 20.000 đồng/tháng. Bảo Việt Nhân thọ có quyền điều chỉnh phí này hàng năm căn cứ vào tỷ lệ lạm phát do Chính phủ công bố nhưng tối đa không quá 70.000 đồng/tháng. Mức phí này sẽ được điều chỉnh sau 03 tháng thông báo với Bên mua bảo hiểm.
- Phí quản lý Quỹ liên kết chung:** 2%/năm tính trên giá trị Quỹ liên kết chung. Mức phí này sẽ được điều chỉnh sau 03 tháng thông báo với Bên mua bảo hiểm nhưng tối đa không quá 3%/năm.
- Phí chấm dứt Hợp đồng** được xác định bằng tỷ lệ % của Giá trị Tài khoản hợp đồng tại thời điểm chấm dứt như sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	Từ năm thứ 5 trở đi
Phí chấm dứt Hợp đồng	20%	15%	10%	5%	0%

- Phí rút trước:** được xác định theo tỷ lệ % của khoản rút như sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	Từ năm thứ 5 trở đi
Phí rút trước	20%	15%	10%	5%	0%

- Phí kiểm tra sức khỏe:** bằng phí thực tế phát sinh. Quý khách chỉ phải chịu phí này trong một số trường hợp.



QUÝ KHÁCH LƯU Ý

- Những số liệu trong Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm này được xác định tại thời điểm minh họa theo nhu cầu, thông tin Quý khách cung cấp và dựa trên giả định rằng Phí bảo hiểm được đóng đầy đủ, đúng hạn và trong thời hạn bảo hiểm không có yêu cầu nào của Quý khách làm thay đổi những số liệu trên.
- Giá trị Tài khoản Hợp đồng trên thực tế sẽ phụ thuộc vào kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, Phí bảo hiểm thực đóng, số tiền rút ra và các thay đổi liên quan đến Hợp đồng, do vậy có thể cao hơn, hoặc thấp hơn so với số liệu minh họa nêu trên.
- Phí bảo hiểm rủi ro của Hợp đồng chính An Phát Cát Tường - Đóng phí một lần (2020) trong bảng trên được xác định cho Người được bảo hiểm có đủ điều kiện được chấp nhận bảo hiểm phí chuẩn theo các quy định về đánh giá rủi ro của Bảo Việt Nhân thọ.
- Việc tham gia Hợp đồng An Phát Cát Tường - Đóng phí một lần (2020) là một cam kết dài hạn, do vậy việc rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng hoặc chấm dứt Hợp đồng trong các năm đầu là KHÔNG có lợi.
- Hợp đồng An Phát Cát Tường - Đóng phí một lần (2020) sẽ tự động chấm dứt hiệu lực và Quý khách sẽ chỉ được nhận Giá trị hoàn lại (nếu có) xác định tại thời điểm Hợp đồng chấm dứt hiệu lực nếu Quý khách không đóng Phí bảo hiểm đóng thêm cần thiết trong thời gian gia hạn là 60 ngày kể từ ngày Giá trị Tài khoản Hợp đồng trừ đi Khoản nợ (nếu có) nhỏ hơn hoặc bằng 0 (không).
- Quyền lợi bảo hiểm cùng những nội dung khác liên quan đến việc giao kết và thực hiện hợp đồng của Hợp đồng chính được quy định chi tiết trong Quy tắc, Điều khoản bảo hiểm An Phát Cát Tường - Đóng phí một lần (2020).



XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TƯ VẤN VIÊN (ĐẠI LÝ BẢO HIỂM)

Tôi, Bên mua bảo hiểm ký tên dưới đây, xác nhận đã được Tư vấn viên của Bảo Việt Nhân thọ có tên và mã số dưới đây tư vấn và giải thích rõ ràng, đầy đủ về nội dung Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm, Quy tắc, Điều khoản Hợp đồng, điều kiện bảo hiểm của sản phẩm An Phát Cát Tường - Đóng phí một lần (2020). Tôi đồng thời cũng xác nhận đã đọc và hiểu toàn bộ nội dung của Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm này kể cả các lưu ý, các đặc điểm, quyền lợi và trách nhiệm của Tôi khi tham gia bảo hiểm.

An

Bên mua bảo hiểm

Chữ ký

Ngày/tháng/năm

Tôi, Tư vấn viên (Đại lý bảo hiểm) ký tên dưới đây, cam kết đã tư vấn và giải thích rõ ràng, đầy đủ cho Quý khách có tên nêu trên về nội dung Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm, Quy tắc, Điều khoản Hợp đồng và điều kiện bảo hiểm của sản phẩm An Phát Cát Tường - Đóng phí một lần (2020).

Trực tiếp công ty

Tư vấn viên

Chữ ký

Ngày/tháng/năm

